|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số:  /QĐ-TTg | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày  tháng  năm 2023* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Phát triển cây dược liệu”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

 *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp 2017;*

*Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008*

*Căn cứ Luật Đất đai 2013;*

*Căn cứ Luật Dược năm 2016;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2019/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định Chính sách đặc thù về giống, công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025*

*Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg, ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ**Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*

*Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg, ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến 2045.*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phát triển cây dược liệu” (sau đây viết tắt là Đề án), với những nội dung chủ yếu như sau:

### I. QUAN ĐIỂM

- Việc nuôi trồng, phát triển các loài cây dược liệu, nhất là loài dược liệu quý hiếm phải phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, phân bố tự nhiên của loài cây dược liệu; trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vừng, từng địa phương.

- Phát triển cây dược liệu trên cơ sở xây dựng vùng trồng tập trung, áp dụng đồng bộ tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, gắn với chuỗi liên kết trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số và người dân sống ở khu vực có rừng; góp phần bảo tồn tri thức bản địa, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng nông thôn mới.

- Việc nuôi trồng, phát triển dược liệu dưới tán rừng phải đảm bảo rừng được quản lý bền vững, không làm suy thoái tài nguyên rừng, suy giảm chức năng phòng hộ và đa dạng sinh học của khu rừng; tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng và các quy định phát luật liên quan khác.

- Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế để triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án. Nguồn từ ngân sách Nhà nước đầu tư theo quy định của pháp luật và lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình đầu tư công và các Chương trình, đề án khác theo từng giai đoạn.

### II. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển cây dược liệu thành ngành hàng sản xuất hiệu quả, bền vững, cung cấp nguyên liệu cho phát triển ngành y-dược gắn với bảo vệ và phát triển rừng; góp phần tăng thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.

- Duy trì diện tích cây dược liệu hiện có khoảng 350.000 ha, thực hiện các biện pháp tăng năng suất và chất lượng; chuyển đổi một số diện tích cây dược liệu dưới tán rừng có hiệu quả kinh tế thấp sang gây trồng, phát triển các loài cây dược liệu quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao, theo hướng sản xuất bền vững.

- Phát triển, mở rộng diện tích gây trồng, phát triển cây dược liệu, ưu tiên những loài quý hiếm, có giá trị tinh tế cao khoảng 65.000 ha tại các tỉnh, vùng có điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng, điều kiện canh tác phù hợp với cây dược liệu nhằm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược.

- Hình thành từ 02 đến 05 vùng nguyên liệu trọng điểm về cây dược liệu, ưu tiên tại các vùng: Trung du miền núi phía Bắc (bao gồm vùng Đông bắc bộ và Tây Bắc bộ), Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm thu hút các dự án phát triển công nghiệp dược để khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng

- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân tham gia phát triển cây dược liệu thông qua các chuỗi giá trị dược liệu gắn với bảo vệ và phát triển rừng, tăng khoảng 1,5 lần so với năm 2020.

## III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

### 1. Phạm vi

Đề án được thực hiện trên pham vi toàn quốc, giai đoạn đến năm 2030 tập trung vào các tỉnh có tiềm năng, thế mạnh về điều kiện tự nhiên phù hợp cho việc nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, đặc biệt phát triển cây dược liệu dưới tán rừng thuộc thuộc các vùng: Đông bắc bộ, Tây bắc Bộ, Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

### 2. Đối tượng

2.1. Loài cây: ưu tiên các loài cây dược liệu gây trồng, phát triển thuộc danh mục 100 loài cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020-2030 theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2. Quỹ đất dự kiến phát triển cây dược liệu phục vụ mục tiêu sản xuất, kinh doanh tại Đề án này bao gồm: đất rừng (bao gồm cả phát triển dưới tán rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, hàng năm và trồng xen canh với loài cây khác theo quy định của pháp luật lâm nghiệp, đất đai và đa dạng sinh học.

### 3. Thời gian thực hiện: từ năm 2023 đến hết năm 2030.

### IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 1. Vùng Tây Bắc

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 50.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới, các loài cây dược liệu ưu tiên tập trung phát triển bao gồm: Sâm Lai châu *(Panax vietnamensis var. Fuscidiscus);* Bảy lá một hoa *(Paris spp);* Tam thất *(Panax notoginseng);* Đảng sâm *(Codonopsis javanica)*; Sơn tra *(Malus doumeri)*; Quế *(Cinnamomum cassia)*; *Lá Khôi (Ardisia gigantifolia)*; Thiên niên kiện *(Homalomena occulta)*, Mạch môn *(Ophiopogon japonicus)*; Bách bộ (Stemona tuherosa); Actiso (*Cynara scolymus);* Bạch truật *(Atractylodes macrocephala)*; Bạch cập *(Bletilla striata);* Độc hoạt *(Angelica pubescens Maxim)*; Đỗ trọng *(Eucommia ulmoides Oliv)*; Đương quy *(Angelica sinensis)*; Cát cánh *(Platycodon grandiflorum)*; Mộc hương *(aussurea lappa)*; Ô đầu *(conitum carmichaeli)*; Xuyên khung *(Ligusticum wallichii Franch)*.

Không mở rộng diện tích cây Thảo quả và Sa nhân đang trồng dưới tán rừng tự nhiên; tập trung canh tác bền vững, nâng cao sản lượng và chất lượng; không làm suy thoái hệ sinh thái rừng. Chuyển một số diện tích cây Thảo quả và Sa nhân hiện đang trồng trong rừng tự nhiên có hiệu quả thấp sang trồng cây dược liệu khác có giá trị kinh tế cao hơn.

### 2. Vùng Đông Bắc

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 300.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; các loài cây ưu tiên bao gồm: Quế *(Cinnamomum cassia);* Hồi *(Illicium verum)*; Ba Kích *(Morinda officinalis)*; Trà Hoa Vàng *(Camellia spp)*; *Lá Khôi (Ardisia gigantifolia)*; Thiên niên kiện *(Homalomena occulta )*, Mạch môn *(Ophiopogon japonicus)*; Bách bộ *(Stemona tuherosa)*; Bán chi liên *(Scutellaria barbata)*; *Cát sâm (Callerya speciosa)*; Cát cánh *(Platycodon grandiflorum);* Cà gai leo *(Solanum hainanensis);* Gấc *(Momordica cochinchinensis)*; Hà thủ ô đỏ *(Fallopia multiflora)*; Thiên môn đông *(Asparagus cochinchinensis)*; Thổ phục linh *(Smilax glabra Roxb)*; Ý dĩ *(Coix lachryma-jobi L)*; Địa hoàng *(Rehmannia glutinosa );* Bạch chỉ *(Angelica dahuricaf);* Thảo quyết minh *(Senna tora).*

Không mở rộng diện tích cây Thảo quả và Sa nhân đang trồng dưới tán rừng tự nhiên; tập trung canh tác bền vững, nâng cao sản lượng và chất lượng; không làm suy thoái hệ sinh thái rừng. Chuyển một số diện tích cây Thảo quả và Sa nhân hiện đang trồng trong rừng tự nhiên có hiệu quả thấp sang trồng cây dược liệu khác có giá trị kinh tế cao hơn.

### 3. Vùng Đồng bằng Sông Hồng

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu khoảng: 4.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; các loài ưu tiên bao gồm: Bạc hà *(Mentha arvensis L)*; Bồ bồ *(Adenosma indianum (Lour.) Merr)*; Bồ công anh *(Lactuca indica L)*; Cà gai leo *(Solanum hainanensis)*, Cúc hoa vàng *(Chrysanthemum indicum L)*; Đinh lăng *(Polyscias fruticose)*; Hà thủ ô đỏ *(Fallopia multiflora)*; Kim ngân *(onicera japonica Thunb)*; Ngưu tất *(Achyranthes bidentata Blume)*; Gừng (Zingiber offcinale); Nghệ *(Dioscorea collettii Hook)*; Xạ can *(Belamcanda chinensis)*; Xuyên tâm liên *(Andrographis paniculata)*; Ké đầu ngựa *(Xanthium strumarium)*; Hòe *(Styphnolobium japonicum).*

### 4. Vùng Bắc Trung Bộ

 Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 15.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; ưu tiên các loài: Quế *(Cinnamomum cassia)*; Lá Khôi *(Ardisia gigantifolia Stapf)*; Lan kim tuyến *(Anoectochilus roxburghii)*; Đảng sâm *(Codonopsis javanica)*; Sa nhân tím *(Amomum spp)*, Sâm cau *(Curculigo orchioides)*; Mạch môn *(Ophiopogon japonicus)*; Bách bộ *(Stemona tuherosa Lour)*; Diệp Hạ Châu *(Phyllanthus amarus Schumach)*; Kim tiền thảo *(Desmodium styracifolium)*; Hòe *(Styphnolobium japonicum)*; Hy thiêm *(igesbeckia orientalis L);* Bồ bồ *(Adenosma indianum)*; Nhân trần *(Adenosma caeruleum)*; Cà Gai leo *(Solanum hainanensis);* Hà thủ ô đỏ *(Fallopia multiflora)*; Hương nhu trắng *(Herba Ocimi Gratissimi)*; Đương quy *(Angelica sinensis)*; Ngưu tất *(Achyranthes bidentata Blume)*, Sâm Bố chính *(Hibiscus sagittifolius)*; Thiên môn đông *(Asparagus cochinchinensis)*; Thổ phục linh *(Smilax glabra Roxb)*; Xạ can *(Belamcanda chinensis)*; Ý dĩ *(Coix lachryma-jobi L)*; Sả *(Cymhopogon nardus)*; Râu mèo *(Orthosiphon stamineus)*.

### 5. Vùng Nam Trung Bộ

 Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 22.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; ưu tiên các loài: Sâm Ngọc Linh *(Panax vietnamensis Ha et Grushv)*; Quế *(Cinnamomum cassia)*; Tam thất *(Panax notoginseng)*; Đảng sâm *(Codonopsis javanica);* Sâm bố chính *(Hibiscus sagittifolius)*; Sâm cau *(Curculigo orchioides)*, Mạch môn *(Ophiopogon japonicus)*; Sa nhân tím *(Amomum spp)*; Lá Khôi *(Ardisia gigantifolia Stapf)*; Bách bộ *(Stemona tuherosa Lour)*; Diệp Hạ Châu *(Phyllanthus amarus Schumach)*, Kim tiền thảo *(Desmodium styracifolium);* Hòe *(Styphnolobium japonicum)*, Hy thiêm *(Igesbeckia orientalis L)*; Bồ bồ *(Adenosma indianum)*; Nhân trần *(Adenosma caeruleum)*; Cà Gai leo *(Solanum hainanensis);* Hà thủ ô đỏ *(Fallopia multiflora)*; Mạch môn *(Ophiopogon japonicas);* Hương nhu trắng *(Solanum hainanensis);* Đương quy *(Angelica sinensis)*; Ngưu tất *(Achyranthes bidentata Blume)*; Thiên môn *đông (Asparagus cochinchinensis)*; Thổ phục linh *(Smilax glabra Roxb);* Xạ can *(Belamcanda chinensis)*;Ý dĩ *(Coix lachryma-jobi L)*; Sả *(Cymhopogon nardus)*; Râu mèo *(Orthosiphon stamineus)*.

### 6. Vùng Tây Nguyên

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 20.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; ưu tiên các loài: Sâm Ngọc Linh *(Panax vietnamensis Ha et Grushv)*; Đảng sâm Việt Nam *(Codonopsis javanica)*; Lan kim tuyến *(Anoectochilus roxburghii)*; Lá Khôi *(Ardisia gigantifolia Stapf)*; Xuyên khung *(Ligusticum wallichii Franch)*; Ngũ vị tử *(Schisandra spp)*; Actiso (*Cynara scolymus L);* Gừng (Zingiber offcinale), Nghệ *(Dioscorea collettii Hook)*; Trinh Nữ Hoàng Cung *(Crinum latifolium)*; Đương quy *(Angelica sinensis)*; Xuyên khung *(Ligusticum wallichii Franch)*.

### 7. Vùng Đông Nam Bộ

Tổng diện tích cây dược liệu dự kiến phát triển là: 1.500 ha; bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới chủ yếu tận dụng quỹ đất dưới tán rừng trồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo hướng thâm canh, tăng năng suất các loài ưu tiên: Trinh nữ hoàng cung *(Crinum latifoliu)*; Bạc hà *(Mentha arvensis L)*; Thiên môn đông *(Asparagus cochinchinensis)*; Sâm cau *(Curculigo orchioides);* Hương nhu trắng *(Solanum hainanensis*: Xuyên tâm liên *(Andrographis paniculata);* Thiên niên kiện *(Homalomena occulta).*

### 8. Vùng Đồng bằng Sông cửu Long

 Tổng diện tích cây dược liệu dự kiến phát triển là: 1.500 ha; bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới chủ yếu tận dụng quỹ đất dưới tán rừng trồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo hướng thâm canh, tăng năng suất các loài ưu tiên: Trinh nữ hoàng cung *(Crinum latifoliu)*; Bạc hà *(Mentha arvensis L)*; Thiên môn đông *(Asparagus cochinchinensis)*; Sâm cau *(Curculigo orchioides);* Hương nhu trắng *(Solanum hainanensis*: Xuyên tâm liên *(Andrographis paniculata);* Thiên niên kiện *(Homalomena occulta).*

 *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## V. NHIỆM VỤ

### 1. Xác định quỹ đất, quy mô vùng gây trồng, phát triển cây dược liệu

Xác định cụ thể quỹ đất phát triển vùng nguyên liệu, bao gồm:

- Diện tích gây trồng, phát triển trên đất rừng, bao gồm: diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng theo hình thức sản xuất nông, lâm kết hợp; diện tích cây dược liệu trên đất rừng như cây rừng (cây gỗ).

- Diện tích trồng cây dược liệu trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hàng năm; trồng xen canh với các cây công nghiệp.

Trên cơ sở đó xác định quy mô vùng trồng cây dược liệu phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế và thực tế của từng địa phương, từng vùng đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 và pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và pháp luật liên quan.

### 2. Hoàn thiện quy định, chính sách, hướng dẫn

Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện chính sách, quy định nhằm tạo điều kiện cho pháp triển vùng nguyên liệu dược liệu, bao gồm: quy định, hướng dẫn về gây trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng; quy định về cho thuê thuê môi trường rừng để trồng dược liệu; quy định về quản lý nguồn giống; truy suất nguồn gốc; chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu…

### 3. Nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất giống cây dược liệu

- Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với sâu, bệnh hại phù hợp với các vùng sinh thái; hoàn thiện các quy trình sản xuất giống; chuyển giao giống cây dược liệu đã được nghiên cứu vào sản xuất; tăng cường công nhận, công bố và lưu hành giống cây dược liệu.

- Hình thành các cơ sở sản xuất giống hiện đại tại các địa phương, vùng trọng điểm trên cơ sở xác định cụ thể về quy mô diện tích vùng trồng, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa với khả năng cung ứng đủ cây giống cho phát triển vùng nguyên liệu tập trung.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát nguồn gốc giống cây dược liệu đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ theo quy định hiện hành.

### 4. Phát triển vùng nguyên liệu cây dược liệu

- Phát triển vùng nguyên liệu dược liệu tại các địa phương phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của loài cây dược liệu về quy mô diện tích và địa điểm cụ thể được xác định trên cơ sở đánh giá về tiềm năng, năng lực đầu tư, quỹ đất, quỹ rừng (đối với diện tích trồng dưới tán rừng), đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường và nhu cầu thị trường.

- Xây dựng hoàn thiện quy trình canh tác các loài cây dược liệu; ưu tiên các loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, theo tiêu chuẩn của GACP-WHO phục vụ phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp dược

- Lập hồ sơ quản lý, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc đối với diện tích trồng cây dược liệu đủ điều kiện để quản lý, truy suất nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng.

- Di thực một số loài cây dược liệu quý, hiếm có giá trị kinh tế cao tại một số địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và pháp luật liên quan gây trồng thí điểm, làm cơ sở phát triển vùng nguyên liệu.

### 5. Tổ chức sản xuất, phát triển cơ sở sơ chế, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Xây dựng, hỗ trợ hộ gia đình, hợp tác xã phát triển các chuỗi giá trị dược liệu, từ: trồng, canh tác, thu hái, chế biến và tiêu thụ dược liệu tạo giá trị gia tăng cho dược liệu góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là ở vùng sâu, xa, vùng khó khăn.

- Đầu tư, phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến dược liệu gắn với vùng nguyên liệu tập trung theo hướng hiện đại; ưu tiên đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm bao gồm: thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hóa mỹ phẩm, sản phẩm thực dưỡng..,

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm dược liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Phát triển thị trường gắn với xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, nhất là các loài cây có diện tích, sản lượng lớn.

## VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

 1. Rà soát quỹ đất, xác định diện tích phát triển vùng trồng

 Tổ chức rà soát, đánh giá, xác định cụ thể về diện tích các khu vực có điều kiện phù hợp để gây trồng, phát triển cây dược liệu để phát triển vùng nguyên liệu và thu hút các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Diện tích gây trồng, phát triển trên đất rừng, bao gồm: diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng và trồng trên đất rừng (như cây gỗ) của chủ rừng là tổ chức (ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp…); chủ rừng và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng. Đối với diện tích rừng hiện do ủy ban nhân dân xã quản lý cần có phương án giao cho tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng để có chủ quản lý thực sự, nhằm đầu tư phát triển cây dược liệu tập trung, cũng như thu hút nhà đầu tư.

- Diện tích trồng cây dược liệu trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hàng năm; trồng xen canh với các cây công nghiệp; trong đó xác định diện tích canh tác cây nông nghiệp (lúa, màu) kém hiệu quả để phát triển cây dược liệu có giá trị kinh tế cao hơn.

 2. Về cơ chế, chính sách

- Tổ chức triển khai các cơ chế chính sách về phát triển cây dược liệu hiện có; lồng ghép thực hiện với các cơ chế, chính sách đã ban hành, bao gồm: Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025; Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030; Chương trình khoa học công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia...

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành cơ chế, chính sách mới nhằm tạo điều kiện cho phát triển cây dược liệu trở thành ngành hàng có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu, đề xuất quy định cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu; rà soát, xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn về trồng cây dược liệu dưới tán rừng đảm bảo phát triển bền vững

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi thu để kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực phát triển cây dược liệu gắn với phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi; đặc biệt là phát triển loài cây quý, hiếm có giá trị kinh tế cao từ công đoạn sản xuất giống, gây trồng, thu hái, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với phát triển du lịch tại các vùng trồng, chế biến dược liệu.

### 2. Về khoa học, công nghệ

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ cho việc phát triển, sản xuất giống đáp ứng nhu cầu sản xuất ở quy mô hàng hóa, trong đó chú trọng công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cho người dân.

**-** Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nhân giống các loài cây quý, hiếm

- Đầu tư các cơ sở sản xuất giống quy mô hiện đại, đảm bảo chất lượng và khả năng cung ứng giống cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu, bệnh hại đảm bảo đủ số lượng cung ứng cho vùng nguyên liệu tập trung.

- Thực hiện nuôi trồng và thu hái dược liệu theo nguyên tắc GACP-WHO và thực hành sản xuất, chế biến dược liệu theo tiêu chuẩn GMP-WHO nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn, có khả năng cạnh tranh.

 - Xây dựng tài liệu, mô hình hướng dẫn kỹ thuật về quy trình trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hái, sơ chế các loài cây dược liệu chủ lực đảm bảo chất lượng; biện pháp kỹ thuật phát triển bền vững trong môi trường rừng.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn, phổ biến/chuyển giao kết quả khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm về trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến dược liệu đảm bảo chất lượng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành từ khâu nuôi trồng đến khai thác, chế biến, truy suất nguồn gốc xuất xứ; sàn giao dịch thương mại điện tử về dược liệu và các sản phẩm chế biến sâu.

### 3. Về tổ chức sản xuất

- Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với người dân đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, khai thác, chế biến sản phẩm gắn với sản xuất theo chuỗi, tạo giá trị gia tăng của sản phẩm, phát triển kinh tế cho người dân.

- Phát triển các hình thức hợp tác; hợp tác xã trong trồng, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm dược liệu.

- Phát triển các mô hình doanh nghiệp thu hút người dân sống gần rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hái dược liệu để chia sẻ lợi ích; mô hình liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp-người dân trong gây trồng, tiêu thụ dược liệu gắn với sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

- Huy động nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước, ứng dụng chuyển giao các kết quả nghiên cứu từ các công trình, đề tài nghiên cứu về nhân giống, gây trồng và canh tác dược liệu, nhất là loài quý hiếm, loài có diện tích gây trồng lớn.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng kết nối giữa các vùng phát triển cây dược liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ hàng hóa, chế biến sản phẩm, phát triển du lịch giới thiệu nét đặc trưng của văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

### 4. Về chế biến, quảng bá, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Thu hút, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương.

- Đa dạng hóa sản phẩm, tập trung chế biến các sản phẩm tinh chế, phù hợp yêu cầu sử dụng trong xã hội hiện đại.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu dược liệu Việt Nam tại thị trường trong và ngoài nước là nhiệm vụ xúc tiến thương mại dài hạn.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước như hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm dược liệu gắn với du lịch giới thiệu nét đặc trưng, đặc sắc về bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam.

### 5. Tuyên truyền, nâng cao năng lực, đào tạo

- Ủy ban nhân dân các địa phương tham gia Đề án chỉ đạo tổ chức tuyền truyền để tổ chức, người dân và đối tượng liên quan hiểu rõ về nội dung Đề án;

- Tuyên truyền để mọi người hiểu đúng giá trị của tài nguyên dược liệu Việt Nam, nhất loài quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao.

- Tuyên truyền, bảo vệ thương hiệu dược liệu Việt Nam, nhất là các loài có sản lượng lớn hoặc có giá trị kinh tế cao như: sâm Việt Nam, Quế, Hồi trên thị trường trong nước và quốc tế;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức nhân dân về vị trí vai trò của phát triển cây dược liệu đến các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là gắn với bảo vệ, phát triển rừng, bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc trong vùng.

## VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

### 1. Dự kiến nhu cầu và cơ cấu nguồn vốn

1.1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án là: 10.995 tỷ đồng

1.2. Cơ cấu nguồn vốn

- Vốn ngân sách: 1.795 tỷ đồng (chiếm 16,3 %), trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 400 tỷ đồng

+ Vốn đầu tư: 1.395 tỷ đồng

- Vốn xã hội hóa: 9.160 tỷ đồng (chiếm 83,6%)

### 2. Nguồn vốn

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao hàng năm; kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, đề án khác; vốn từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

### 1. Về kinh tế

Việc phát triển cây dược liệu (cây lâu năm và hàng năm) sẽ đem lại nguồn thu cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ dược liệu, bao gồm:

- Nguồn thu từ sản phẩm quế, hồi xuất khẩu: dự kiến sẽ đóng góp khoảng 500-600 triệu USD/năm (khoảng 12.000 tỷ đồng) vào năm 2030;

- Nguồn thu từ các loài dược liệu khác: khoảng 180.000 ha, chu kỳ sản xuất 2 năm, dự kiến lượng khai thác hàng năm khoảng 90.000 ha, sẽ đóng góp khoảng 18.000 tỷ đồng/năm

Góp phần cung cấp nguyên liệu cho ngành y- dược; nhu cầu sử dụng của người dân nói riêng và phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi nói chung.

### 2. Về xã hội

Đề án được thực hiện sẽ tạo thêm nhiều nhu cầu lao động, dự kiến có khoảng 700.000-8000.000 hộ gia đình (bình quân 0,5 ha/hộ) tham gia vào phát triển cây dược liệu, đặc biệt là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số miền núi vùng đặc biệt khó khăn. Góp phần tăng thu nhập, phát triển kinh tế của người dân; ổn định dân cư vùng sâu, vùng xa; giảm áp lực khai thác tài nguyên rừng không bền vững; góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

### 3. Về môi trường

Đề án được thực hiện trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc: Không làm suy giảm chức năng của khu rừng; thực hiện luân kỳ canh tác để tái phục hồi trạng thái tự nhiên của rừng và tuân thủ các biện pháp sản xuất theo quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc khai thác dược liệu ngoài tự nhiên sẽ đảm bảo cho khu rừng phát triển bền vững, phát huy các chức năng của rừng trong việc bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, đối với diện tích gây trồng, phát triển cây dược liệu trên đất canh tác nông nghiệp sử dụng kém hiệu quả sẽ góp phần giảm phát thải khí nhà kính, canh tác không bền vững.

## IX.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Trách nhiệm các Bộ/ngành

1.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

 - Chủ trì, phối hợp với các Bộ/ngành hướng dẫn các địa phương triển khai, thực hiện Đề án có hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách về lĩnh vực chọn, tạo giống cây dược liệu, phát triển vùng nguyên liệu, liên kết theo chuỗi giá trị nhằm xã hội hóa công tác phát triển vùng nguyên liệu cây dược liệu.

- Hướng dẫn việc công bố, lưu hành giống cây dược liệu đảm bảo nguồn gốc xuất xứ; cấp mã số vùng trồng đối với diện tích cây dược liệu đủ điều kiện.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương rà soát, xây dựng, bổ sung hướng dẫn quy định về sử dụng bền vững môi trường rừng để gây trồng, phát triển cây dược liệu. Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến trồng trọt, chăm sóc, thu hái, phòng trừ sâu, bệnh hại.

- Phối hợp với các Bộ/ngành và địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân xây dựng chuỗi liên kết giá trị sản phẩm dược liệu; thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã trồng dược liệu.

- Hướng dẫn các địa phương phát triển các sản phẩm OCOP thảo dược, găn với bản sắc văn hóa các dân tộc, tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện Đề án; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo giai đoạn; tổng hợp, đề xuất, xây dựng chính sách.

1.2. Bộ Y Tế

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các địa phương tổ chức, triển khai, thực hiện; giám sát, đánh giá tổng kết Đề án.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương lồng ghép các dự án phát triển dược liệu thuộc nội dung số 2, tiểu dự án 2: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thuộc dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, định hướng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dược liệu; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tham gia Đề án triển khai; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện các quy trình canh tác cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thu hút, đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến, các nhà máy chế biến hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng chính sách phát triển cây dược liệu; hoàn thiện hướng dẫn về trồng, chăm sóc, khai thác dược liệu bền vững trong môi trường rừng; các hướng dẫn kỹ thuật về trồng trọt, chăm sóc, thu hái

- Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để phát huy tiềm năng lợi thế của các địa phương trong phát triển công nghiệp dược liệu gắn với vùng nguyên liệu.

1.3. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo, hoàn thiện chỉ dẫn địa lý cho các loài cây dược liệu quý, hiếm gắn với xuất xứ.

- Bố trí nguồn kinh phí để triển khai các chương trình, dự án khoa học công nghệ liên quan đến việc ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý nguồn giống, vùng trồng và chất lượng các sản phẩm dược liệu.

1.4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hằng năm thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, điều chỉnh các chính sách triển khai thực hiện Đề án phù hợp với quy định của pháp luật.

1.5. Bộ Tài chính:

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các bộ, ngành liên quan tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách trung ương và lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch, dự án khác trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Đề án trung hạn và hàng năm.

1.6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương rà soát quy hoạch sử dụng đất, giao, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giao rừng, cho thuê rừng để đảm bảo quỹ đất cho gây trồng, phát triển dược liệu theo đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách phát triển cây dược liệu hoàn thiện hướng dẫn về trồng, chăm sóc, khai thác cây dược liệu trong môi trường rừng phù hợp với quy định về bảo tồn, đa dạng sinh học.

1.7. Ủy ban dân tộc

- Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lồng ghép các nội dung có liên quan tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 nhằm thực hiện hiệu quả Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung/hoạt động đầu tư/hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lắp đảm bảo thực hiện hiệu quả Đề án.

1.8. Các bộ, ngành khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ liên quan và các địa phương xây dựng cơ chế chính sách, quản lý và hướng dẫn thực hiện Đề án

### 2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi Đề án

### Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; trong đó tập trung một số việc sau đây:

- Rà soát, đánh giá, xác định cụ thể quy mô vùng trồng cây dược liệu trên các loại đất đai, dưới tán rừng, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, đất đai và điều kiện canh tác.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư, phát triển cây dược liệu theo chuỗi giá trị, chế biến sâu, gắn với thị trường tiêu thụ. Cân đối, huy động các nguồn vốn để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, hướng dẫn thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng các mối liên kết trong gây trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tạo giá trị gia tăng, đảm bảo phát triển bền vững.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư các cơ sở chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu; xây dựng thương hiệu; xúc tiến, quảng bá sản phẩm, gắn với nét đặc trưng về văn hóa, tạo sản phẩm đặc trưng có giá trị gia tăng cao.

- Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và kịp thời giải ngân nguồn kinh phí được Trung ương hỗ trợ để triển khai, thực hiện Đề án; đề xuất nguồn kinh phí thực hiện Đề án trong giai đoạn 2026-2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp. Trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân triển khai, thực hiện các dự án phát triển cây dược liệu trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

 - Quản lý chặt chẽ công tác sản xuất, buôn bán giống cây dược liệu trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án; kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ/ngành liên quan những khó khăn, vướng mắc thuộc phạm vi quản lý của các Bộ/ngành trong quá trình triển khai, thực hiện các dự án để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ những nội dung quá thẩm quyền. Báo cáo định kỳ hàng năm; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án theo giai đoạn báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban dân tộc, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi của Đề án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các UB của QH;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao; - UB Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán Nhà nước;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, NN (2). | **KT. THỦ TƯỚNG****PHÓ THỦ TƯỚNG****Trần Lưu Quang** |

**PHỤ LỤC**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số............../QĐ-TTg, ngày……tháng…..năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TTT** | **Vùng sinh thái** | **Tổng diện tích****(ha)** | **Các loài ưu tiên** | **Đất trồng** |
|  | **Tổng** | **415.000[[1]](#footnote-1)** |  |  |
| 1 | **Tây Bắc Bộ** | **50.000** | Sâm Lai châu (Panax vietnamensis var. Fuscidiscus); Bảy lá một hoa (Paris spp); Tam thất (Panax notoginseng); Đảng sâm (Codonopsis javanica); Sơn tra (Malus doumeri); Quế (Cinnamomum cassia); Lá Khôi (Ardisia gigantifolia); Thiên niên kiện (Homalomena occulta), Mạch môn (Ophiopogon japonicus); Bách bộ (Stemona tuherosa); Actiso (Cynara scolymus); Bạch truật (Atractylodes macrocephala); Bạch cập (Bletilla striata); Độc hoạt (Angelica pubescens Maxim); Đỗ trọng (Eucommia ulmoides Oliv); Đương quy (Angelica sinensis); Cát cánh (Platycodon grandiflorum); Mộc hương (aussurea lappa); Ô đầu (conitum carmichaeli); Xuyên khung (Ligusticum wallichii Franch). | Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm |
| 2 | **Đông Bắc Bộ** | **300.000** | Quế (Cinnamomum cassia); Hồi (Illicium verum); Ba Kích (Morinda officinalis); Trà Hoa Vàng (Camellia spp); Lá Khôi (Ardisia gigantifolia); Thiên niên kiện (Homalomena occulta ), Mạch môn (Ophiopogon japonicus); Bách bộ (Stemona tuherosa); Bán chi liên (Scutellaria barbata); Cát sâm (Callerya speciosa); Cát cánh (Platycodon grandiflorum); Cà gai leo (Solanum hainanensis); Gấc (Momordica cochinchinensis); Hà thủ ô đỏ (Fallopia multiflora); Thiên môn đông (Asparagus cochinchinensis); Thổ phục linh (Smilax glabra Roxb); Ý dĩ (Coix lachryma-jobi L); Địa hoàng (Rehmannia glutinosa ); Bạch chỉ (Angelica dahuricaf); Thảo quyết minh (Senna tora). | Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm |
| 3 | **Đồng bằng Sông Hồng** | **4.000** | Bạc hà (Mentha arvensis L); Bồ bồ (Adenosma indianum (Lour.) Merr); Bồ công anh (Lactuca indica L); Cà gai leo (Solanum hainanensis), Cúc hoa vàng (Chrysanthemum indicum L); Đinh lăng (Polyscias fruticose); Hà thủ ô đỏ (Fallopia multiflora); Kim ngân (onicera japonica Thunb); Ngưu tất (Achyranthes bidentata Blume); Gừng (Zingiber offcinale); Nghệ (Dioscorea collettii Hook); Xạ can (Belamcanda chinensis); Xuyên tâm liên (Andrographis paniculata); Ké đầu ngựa (Xanthium strumarium); Hòe (Styphnolobium japonicum). | Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm |
| 4 | **Bắc Trung bộ** | **15.000** | Quế (Cinnamomum cassia); Lá Khôi (Ardisia gigantifolia Stapf); Lan kim tuyến (Anoectochilus roxburghii); Đảng sâm (Codonopsis javanica); Sa nhân tím (Amomum spp), Sâm cau (Curculigo orchioides); Mạch môn (Ophiopogon japonicus); Bách bộ (Stemona tuherosa Lour); Diệp Hạ Châu (Phyllanthus amarus Schumach); Kim tiền thảo (Desmodium styracifolium); Hòe (Styphnolobium japonicum); Hy thiêm (igesbeckia orientalis L); Bồ bồ (Adenosma indianum); Nhân trần (Adenosma caeruleum); Cà Gai leo (Solanum hainanensis); Hà thủ ô đỏ (Fallopia multiflora); Hương nhu trắng (Herba Ocimi Gratissimi); Đương quy (Angelica sinensis); Ngưu tất (Achyranthes bidentata Blume), Sâm Bố chính (Hibiscus sagittifolius); Thiên môn đông (Asparagus cochinchinensis); Thổ phục linh (Smilax glabra Roxb); Xạ can (Belamcanda chinensis); Ý dĩ (Coix lachryma-jobi L); Sả (Cymhopogon nardus); Râu mèo (Orthosiphon stamineus). | Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm |
| 5 | **Nam Trung Bộ** | **22.000** | Sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv); Quế (Cinnamomum cassia); Tam thất (Panax notoginseng); Đảng sâm (Codonopsis javanica); Sâm bố chính (Hibiscus sagittifolius); Sâm cau (Curculigo orchioides), Mạch môn (Ophiopogon japonicus); Sa nhân tím (Amomum spp); Lá Khôi (Ardisia gigantifolia Stapf); Bách bộ (Stemona tuherosa Lour); Diệp Hạ Châu (Phyllanthus amarus Schumach), Kim tiền thảo (Desmodium styracifolium); Hòe (Styphnolobium japonicum), Hy thiêm (Igesbeckia orientalis L); Bồ bồ (Adenosma indianum); Nhân trần (Adenosma caeruleum); Cà Gai leo (Solanum hainanensis); Hà thủ ô đỏ (Fallopia multiflora); Mạch môn (Ophiopogon japonicas); Hương nhu trắng (Solanum hainanensis); Đương quy (Angelica sinensis); Ngưu tất (Achyranthes bidentata Blume); Thiên môn đông (Asparagus cochinchinensis); Thổ phục linh (Smilax glabra Roxb); Xạ can (Belamcanda chinensis);Ý dĩ (Coix lachryma-jobi L); Sả (Cymhopogon nardus); Râu mèo (Orthosiphon stamineus). | Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm |
| 6 | **Tây Nguyên** | **20.000** | Sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv); Đảng sâm Việt Nam (Codonopsis javanica); Lan kim tuyến (Anoectochilus roxburghii); Lá Khôi (Ardisia gigantifolia Stapf); Xuyên khung (Ligusticum wallichii Franch); Ngũ vị tử (Schisandra spp); Actiso (Cynara scolymus L); Gừng (Zingiber offcinale), Nghệ (Dioscorea collettii Hook); Trinh Nữ Hoàng Cung (Crinum latifolium); Đương quy (Angelica sinensis); Xuyên khung (Ligusticum wallichii Franch). | Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm ; trồng dưới tán cây cà phê, cây ăn quả |
| 7 | **Đông Nam Bộ** | **1.500** | Trinh nữ hoàng cung Crinum latifoliu); Bạc hà (Mentha arvensis L); Thiên môn đông (Asparagus cochinchinensis); Sâm cau (Curculigo orchioides); Hương nhu trắng (Solanum hainanensis: Xuyên tâm liên (Andrographis paniculata); Thiên niên kiện (Homalomena occulta). | Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm ; trồng dưới tán cây cà phê, cây ăn quả |
| 8 | **Đồng bằng S cửu Long** | **2.500** | Trinh nữ hoàng cung (Crinum latifoliu); Bạc hà (Mentha arvensis L); Thiên môn đông (Asparagus cochinchinensis); Sâm cau (Curculigo orchioides); Hương nhu trắng (Solanum hainanensis: Xuyên tâm liên (Andrographis paniculata); Thiên niên kiện (Homalomena occulta). | Chủ yếu trên đất nông nghiệp |

1. Bao gồn cả diện tích hiện có và phát triển mới [↑](#footnote-ref-1)